

# Công ty Cổ phần Traphaco

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Công ty Cổ phần Traphaco

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

JOB  
C  
KINH  
V  
C  
/W

010  
CÔ  
CÔ  
TRA  
ĐINH

# Công ty Cổ phần Traphaco

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Traphaco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2566/1999/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 058437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Số 75, phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Traphaco	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Nam Định	Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang

# Công ty Cổ phần Traphaco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Túc Mã	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hiền	Thành viên
Ông Chad Ryan Ovel	Thành viên
Ông Christopher E.Freund	Thành viên
Ông Marcus John Pitt	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Đức Hùng	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Túc Mã	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Huy Văn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Bùi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2017
Bà Hoàng Thị Rượu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2017

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Túc Mã, Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Traphaco

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 8 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

  
  
Trần Túc Mã  
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61283515/19317603

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Traphaco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Traphaco (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 8 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>801.695.837.254</b>	<b>811.010.111.158</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>118.566.488.809</b>	<b>162.964.138.847</b>
111	1. Tiền		118.566.488.809	92.728.889.909
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	70.235.248.938
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>394.467.216.162</b>	<b>364.442.634.224</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	333.030.438.673	128.404.061.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	20.009.911.910	83.797.210.510
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	45.256.808.754	155.428.499.979
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.573.038.616)	(3.930.232.741)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	5.3	743.095.441	743.095.441
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>276.769.114.813</b>	<b>265.826.345.885</b>
141	1. Hàng tồn kho		277.262.039.549	266.562.661.117
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(492.924.736)	(736.315.232)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.893.017.470</b>	<b>17.776.992.202</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.091.664.699	3.852.065.623
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.155.321.180	13.867.410.242
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		646.031.591	57.516.337
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>545.136.339.640</b>	<b>400.364.470.183</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>165.652.617.321</b>	<b>135.322.281.019</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	125.043.494.997	100.755.396.406
222	Nguyên giá		257.841.052.318	220.165.522.417
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(132.797.557.321)	(119.410.126.011)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	40.609.122.324	34.566.884.613
228	Nguyên giá		43.760.194.122	36.561.431.836
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.151.071.798)	(1.994.547.223)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.757.046.308</b>	<b>152.241.372.753</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.757.046.308	152.241.372.753
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>366.726.676.011</b>	<b>112.800.816.411</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		366.726.676.011	108.526.676.011
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	4.274.140.400
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.346.832.176.894</b>	<b>1.211.374.581.341</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>337.397.568.504</b>	<b>296.130.464.259</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>337.337.568.504</b>	<b>296.040.464.259</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	119.556.579.267	141.372.155.304
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		504.866.532	404.438.851
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	50.316.013.884	24.306.763.206
314	4. Phải trả người lao động		26.910.802.219	28.829.643.981
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	31.935.626.731	29.269.948.295
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	85.476.336.854	71.857.514.622
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	22.637.343.017	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>60.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	90.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.009.434.608.390</b>	<b>915.244.117.082</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>1.009.434.608.390</b>	<b>915.244.117.082</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		414.536.730.000	345.455.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		414.536.730.000	345.455.160.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		133.021.732.000	153.747.160.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.593.000)	(3.593.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		284.283.084.510	274.765.013.864
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		177.596.654.880	141.280.376.218
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.016.124.026	2.257.484.786
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		147.580.530.854	139.022.891.432
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.346.832.176.894</b>	<b>1.211.374.581.341</b>

*Thó*

*Dinh*



Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Kế toán trưởng  
Đình Trung Kiên

Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.683.552.664.809	1.736.537.466.466
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	10.106.539.735	7.185.090.853
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	20.1	1.673.446.125.074	1.729.352.375.613
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	801.898.346.604	891.428.072.113
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		871.547.778.470	837.924.303.500
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	17.009.637.137	21.592.312.311
22	7. Chi phí tài chính	22	1.411.918.839	81.171.289.266
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.340.395.126	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	461.700.105.569	408.765.926.520
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	134.067.555.671	108.806.175.857
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		291.377.835.528	260.773.224.168
31	11. Thu nhập khác		49.942.487	59.393.375
32	12. Chi phí khác		2.646.328.949	1.570.601.748
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]		(2.596.386.462)	(1.511.208.373)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		288.781.449.066	259.262.015.795
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	58.299.838.212	51.154.358.363
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		230.481.610.854	208.107.657.432

*ThS*

*Đinh Trung Kiên*



Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên

Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>288.781.449.066</b>	<b>259.262.015.795</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		15.878.447.846	14.152.547.674
03	Các khoản dự phòng		1.135.730.611	2.256.622.647
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.522.580	974.185.589
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.766.563.196)	(19.062.335.442)
06	Chi phí lãi vay		1.340.395.126	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>290.379.982.033</b>	<b>257.583.036.263</b>
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu		87.898.506.667	(112.127.321.941)
10	Tăng hàng tồn kho		(11.435.693.664)	(21.787.776.151)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(69.004.179.809)	(27.634.753.189)
12	Tăng chi phí trả trước		(239.599.076)	(2.341.622.513)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.320.928.114)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(54.314.171.167)	(55.019.943.271)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.263.037.724)	(15.528.268.793)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>216.700.879.146</b>	<b>23.143.350.405</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(92.890.616.011)	(125.270.824.322)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	128.636.364
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(103.763.676.658)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	19.498.113.776
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.415.728.468	18.854.403.983
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(180.238.564.201)</b>	<b>(86.789.670.199)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		113.060.650.034	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(90.423.307.017)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(103.497.308.000)	(74.147.994.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(80.859.964.983)</b>	<b>(74.147.994.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(44.397.650.038)</b>	<b>(137.794.313.794)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>162.964.138.847</b>	<b>300.758.452.641</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>118.566.488.809</b>	<b>162.964.138.847</b>

*Handwritten signature*

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc Thúy

*Handwritten signature*

Kế toán trưởng  
Đình Trung Kiên



Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Traphaco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2566/1999/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 058437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Số 75, phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Traphaco	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Nam Định	Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 674 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 763).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	100%	100%	Tổ 9, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	Nuôi trồng, chế biến dược liệu, nông lâm sản thực phẩm; Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, thực phẩm.
2	Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	51%	51%	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm đông dược.
3	Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắc Lắc	58%	58%	Số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buon Ma Thuật, tỉnh Đắc Lắc	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, các sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng; Xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu, thiết bị y tế.
4	Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	100%	100%	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm đông dược.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 8 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	9.363.698.094	4.197.297.228
Tiền gửi ngân hàng	109.202.790.715	88.531.592.681
Các khoản tương đương tiền	-	70.235.248.938
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>118.566.488.809</u></b>	<b><u>162.964.138.847</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	106.031.525.045	120.129.967.766
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Dương</i>	525.567.591	18.182.478.125
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	105.505.957.454	101.947.489.641
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	226.998.913.628	8.274.093.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>333.030.438.673</b>	<b>128.404.061.035</b>
Dự phòng	(4.423.038.616)	(3.780.232.741)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Natural Factors	10.144.268.030	111.575.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đông Đô	-	14.006.788.839
Công ty TNHH Cellco Việt Nam	-	12.293.014.880
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	9.865.643.880	57.385.831.791
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.009.911.910</b>	<b>83.797.210.510</b>

**5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.930.232.741	5.179.636.462
Dự phòng trích lập trong năm	1.094.449.744	1.520.307.415
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(451.643.869)	(2.769.711.136)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.573.038.616</b>	<b>3.930.232.741</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	-	-	128.877.679.220	-
Tạm ứng cho nhân viên Ứng trước các khoản chi khen thưởng, phúc lợi trong năm (*)	18.304.870.992	(150.000.000)	6.062.284.948	(150.000.000)
Ký quỹ, ký cược	18.495.462.509	-	10.498.365.568	-
Lãi dự thu	1.678.467.697	-	2.242.863.500	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	-	298.282.872	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.003.258.000	-	-	-
	1.774.749.556	-	7.449.023.871	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.256.808.754</b>	<b>(150.000.000)</b>	<b>155.428.499.979</b>	<b>(150.000.000)</b>

*Trong đó:*

<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên khác</i>	45.256.808.754	26.550.820.759
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	-	128.877.679.220

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 28/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tỷ lệ dự kiến trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 8%. Theo đó, Công ty đã thực hiện tạm ứng các khoản chi khen thưởng, phúc lợi trong năm 2017 và các khoản tạm ứng này sẽ được bù trừ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty chính thức phê duyệt.

**7. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	2.059.141.317	1.500.446.580	-	-
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi khác	7.657.141.654	3.642.797.775	6.733.123.760	2.802.891.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.716.282.971</b>	<b>5.143.244.355</b>	<b>6.733.123.760</b>	<b>2.802.891.019</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	124.435.235.349	(492.924.736)	117.597.822.052	(716.776.875)
Công cụ, dụng cụ	-	-	247.830.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.130.230.259	-	22.231.427.312	-
Thành phẩm	76.904.398.561	-	58.124.608.779	(19.538.357)
Hàng hóa	41.792.175.380	-	68.360.972.233	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.262.039.549</b>	<b>(492.924.736)</b>	<b>266.562.661.117</b>	<b>(736.315.232)</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	736.315.232	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	492.924.736	736.315.232
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(736.315.232)	-
Số cuối năm	492.924.736	736.315.232



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	94.696.505.187	64.084.697.906	49.617.407.666	11.766.911.658	220.165.522.417
- Mua trong năm	199.931.819	2.325.784.637	6.986.812.724	380.802.091	9.893.331.271
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	129.720.474.081	127.675.860.096	-	-	257.396.334.177
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(123.187.877.856)	(106.118.321.330)	-	(307.936.361)	(229.614.135.547)
Số dư cuối năm	101.429.033.231	87.968.021.309	56.604.220.390	11.839.777.388	257.841.052.318
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	18.134.986.803	23.292.559.111	13.793.901.417	9.182.964.765	64.404.412.096
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	37.449.110.746	43.424.201.323	28.440.347.760	10.096.466.182	119.410.126.011
- Khấu hao trong năm	3.313.868.629	6.078.856.864	4.581.350.534	747.847.244	14.721.923.271
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(1.026.555.600)	-	(307.936.361)	(1.334.491.961)
Số dư cuối năm	40.762.979.375	48.476.502.587	33.021.698.294	10.536.377.065	132.797.557.321
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	57.247.394.441	20.660.496.583	21.177.059.906	1.670.445.476	100.755.396.406
Số dư cuối năm	60.666.053.856	39.491.518.722	23.582.522.096	1.303.400.323	125.043.494.997
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (**)</i>	19.871.063.148	-	-	-	19.871.063.148

(\*) Bao gồm giá trị của các tài sản thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dược Traphaco Hưng Yên được Công ty đầu tư, hoàn thành trong năm và nhượng bán lại cho Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, với tổng nguyên giá tại thời điểm nhượng bán là 228.381.831.032 VND.

(\*\*) Công ty đã sử dụng một phần nhà xưởng của nhà máy sản xuất thuốc và các công trình xây dựng trên đất tại một số chi nhánh làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	33.273.954.266	3.287.477.570	36.561.431.836
- Mua trong năm	7.138.762.286	60.000.000	7.198.762.286
Số dư cuối năm	<u>40.412.716.552</u>	<u>3.347.477.570</u>	<u>43.760.194.122</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.232.187.570	1.232.187.570
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	-	1.994.547.223	1.994.547.223
- Hao mòn trong năm	-	1.156.524.575	1.156.524.575
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>3.151.071.798</u>	<u>3.151.071.798</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	<u>33.273.954.266</u>	<u>1.292.930.347</u>	<u>34.566.884.613</u>
Số dư cuối năm	<u>40.412.716.552</u>	<u>196.405.772</u>	<u>40.609.122.324</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công trình nhà máy dược Traphaco Hưng Yên (Thuyết minh số 9)	-	142.982.955.709
Công trình văn phòng tại Cần Thơ	2.352.727.272	2.479.653.636
Công trình văn phòng tại Gia Lai	5.194.752.092	1.616.180.092
Công trình văn phòng tại Thái Nguyên	3.731.036.944	3.640.036.043
Dự án phần mềm ERP	1.478.530.000	1.393.880.000
Khác	-	128.667.273
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.757.046.308</u></b>	<b><u>152.241.372.753</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>366.726.676.011</b>	-		<b>108.526.676.011</b>	-		
Công ty TNHH MTV TraphacoSapa (i)		26.675.000.000	-		18.475.000.000	-		
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco (ii)	4.826.655	71.382.500.000	-	168.932.925.000	4.826.655	71.382.500.000	-	217.199.475.000
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắc Lắc (ii)	1.130.271	18.669.176.011	-	25.431.097.500	1.130.271	18.669.176.011	-	27.126.504.000
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên (i) (iii)		250.000.000.000	-			-	-	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		-	-		<b>4.274.140.400</b>	-		
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	-	-	-	-	125.696	4.274.140.400	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>366.726.676.011</b>	-		<b>112.800.816.411</b>	-		

- (i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị này được ước tính bằng giá trị cổ phiếu được công bố thực hiện giao dịch trên thị trường UPCoM tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- (iii) Công ty đã thực hiện tăng vốn góp tại công ty con này theo hình thức góp vốn bằng tiền, tài sản và các khoản nợ phải thu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắc Lắc	58%	58%	58%	58%
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	100%	100%	100%	100%

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	-	-	43%	43%

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 3200042637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 6 tháng 10 năm 1998. Công ty này có trụ sở chính tại số 185 đường Lê Duẩn, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Quảng Trị là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Thực hiện Quyết định số 63/2017/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty đã thanh lý toàn bộ số cổ phần được đầu tư tại Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị vào ngày 29 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	46.499.472.125	46.499.472.125	88.788.078.892	88.788.078.892
- Công ty TNHH Nanum CNC	-	-	18.530.008.296	18.530.008.296
- Phải trả đối tượng khác	46.499.472.125	46.499.472.125	70.258.070.596	70.258.070.596
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	73.057.107.142	73.057.107.142	52.584.076.412	52.584.076.412
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.556.579.267</b>	<b>119.556.579.267</b>	<b>141.372.155.304</b>	<b>141.372.155.304</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	Thuế giá trị gia tăng	-	79.328.535.269	57.320.508.760
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.969.439.497	3.969.439.497	-
Thuế nhập khẩu	-	1.035.870.885	1.035.870.885	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	21.097.874.628	58.299.838.212	54.314.171.167	25.083.541.673
Thuế thu nhập cá nhân	3.208.888.578	13.819.019.315	13.803.462.191	3.224.445.702
Các loại thuế khác	-	685.515.438	685.515.438	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.306.763.206</b>	<b>157.138.218.616</b>	<b>131.128.967.938</b>	<b>50.316.013.884</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các khoản chiết khấu phải trả cho khách hàng	26.613.035.451	20.607.463.461
Thù lao phải trả cộng tác viên	5.037.942.682	3.928.898.687
Chi phí khảo sát thị trường	-	3.889.809.000
Chi phí phải trả khác	284.648.598	843.777.147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.935.626.731</u></b>	<b><u>29.269.948.295</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	83.570.550.278	69.624.395.278
Kinh phí công đoàn	218.371.127	565.408.326
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	26.134.613	394.944.898
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	748.363.693	705.112.848
Các khoản phải trả khác	912.917.143	567.653.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.476.336.854</u></b>	<b><u>71.857.514.622</u></b>

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đây là các khoản vay ngắn hạn với kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5,5%/năm từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 2 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 19.871.063.148 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay này (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm	246.764.330.000	153.747.160.000	(3.593.000)	282.986.201.541	183.224.378.616	866.718.477.157
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	208.107.657.432	208.107.657.432
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	98.690.830.000	-	-	(98.690.830.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(143.104.666.000)	(143.104.666.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	90.469.642.323	(90.469.642.323)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.477.351.507)	(14.477.351.507)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>345.455.160.000</b>	<b>153.747.160.000</b>	<b>(3.593.000)</b>	<b>274.765.013.864</b>	<b>141.280.376.218</b>	<b>915.244.117.082</b>
<b>Năm nay</b>						
Số dư đầu năm	345.455.160.000	153.747.160.000	(3.593.000)	274.765.013.864	141.280.376.218	915.244.117.082
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	230.481.610.854	230.481.610.854
Tăng vốn (*)	69.081.570.000	(20.725.428.000)	-	(34.542.380.000)	(13.813.762.000)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 (*)	-	-	-	-	(34.542.383.000)	(34.542.383.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	44.060.450.646	(44.060.450.646)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.847.656.546)	(16.847.656.546)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 (**)	-	-	-	-	(82.901.080.000)	(82.901.080.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>414.536.730.000</b>	<b>133.021.732.000</b>	<b>(3.593.000)</b>	<b>284.283.084.510</b>	<b>177.596.654.880</b>	<b>1.009.434.608.390</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 28/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành bổ sung 6.908.157 cổ phiếu từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tăng vốn cổ phần. Công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2016 căn cứ theo Nghị quyết nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*\*) Ngoài ra, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức lần 1 từ lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ là 2.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 12 năm 2017.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	147.865.120.000	147.865.120.000	-	123.215.630.000	123.215.630.000	-
Magbi Fund Limited	103.613.850.000	103.613.850.000	-	-	-	-
Super Delta Pte.Ltd	62.672.890.000	62.672.890.000	-	-	-	-
Vietnam Azalea Fund Limited	-	-	-	86.341.160.000	86.341.160.000	-
Vietnam Holding Limited	-	-	-	36.030.920.000	36.030.920.000	-
Các cổ đông khác	100.384.870.000	100.384.870.000	-	99.867.450.000	99.867.450.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>414.536.730.000</b>	<b>414.536.730.000</b>	<b>-</b>	<b>345.455.160.000</b>	<b>345.455.160.000</b>	<b>-</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	345.455.160.000	246.764.330.000
Tăng trong năm (Thuyết minh 18.1)	69.081.570.000	98.690.830.000
Số cuối năm	<b>414.536.730.000</b>	<b>345.455.160.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức cho năm 2017 (lần 1): 2.000 VND/cổ phiếu	82.901.080.000	-
Cổ tức cho năm 2016 (lần 2): 1.000 VND/cổ phiếu	34.542.383.000	-
Cổ tức cho năm 2016 (lần 1): 2.000 VND/cổ phiếu	-	69.084.766.000
Cổ tức cho năm 2015: 3.000 VND/cổ phiếu	-	74.019.900.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>103.497.308.000</b>	<b>74.147.994.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.4 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41.453.673</b>	<b>34.545.516</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	41.453.673	34.545.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>(3.133)</b>	<b>(3.133)</b>
Cổ phiếu phổ thông	(3.133)	(3.133)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41.450.540</b>	<b>34.542.383</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.450.540	34.542.383
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	75.029	3.988
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.473.112.684	2.473.112.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.683.552.664.809</b>	<b>1.736.537.466.466</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.185.807.799.768</i>	<i>1.085.174.433.744</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>493.845.244.334</i>	<i>651.203.032.722</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.899.620.707</i>	<i>160.000.000</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(10.106.539.735)</b>	<b>(7.185.090.853)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(10.106.539.735)</i>	<i>(7.185.090.853)</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.673.446.125.074</b>	<b>1.729.352.375.613</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.185.841.763.131</i>	<i>1.080.665.481.034</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>483.704.741.236</i>	<i>648.526.894.579</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.899.620.707</i>	<i>160.000.000</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>93.716.309.335</i>	<i>113.926.370.227</i>
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên khác</i>	<i>1.579.729.815.739</i>	<i>1.615.426.005.386</i>

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.962.000.200	11.466.064.557
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.445.396	6.635.834.544
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	243.073.941	1.053.781.434
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	649.117.600	2.436.631.776
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.009.637.137</b>	<b>21.592.312.311</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	489.108.841.031	412.177.298.330
Giá vốn của hàng hóa đã bán	311.679.434.643	479.201.798.273
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.110.070.930	48.975.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>801.898.346.604</b>	<b>891.428.072.113</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.340.395.126	-
Chiết khấu thanh toán (*)	-	79.955.757.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.523.713	1.215.531.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.411.918.839</u></b>	<b><u>81.171.289.266</u></b>

(\*) Công ty đã thay đổi chính sách bán hàng và không thực hiện hình thức chiết khấu thanh toán cho khách hàng trong năm 2017.

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	118.090.610.753	101.992.243.925
Chi phí cộng tác viên	66.702.040.734	64.463.152.994
Chiết khấu bán hàng	100.987.676.661	64.360.550.539
Chi phí quảng cáo	66.157.159.511	79.800.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.931.268.444	5.360.533.852
Chi phí vận chuyển	25.570.615.967	24.721.166.278
Chi phí bán hàng khác	78.260.733.499	68.068.278.932
	<b><u>461.700.105.569</u></b>	<b><u>408.765.926.520</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	82.478.516.792	66.430.504.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.995.619.352	2.592.538.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.745.876.059	11.788.121.868
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	36.847.543.468	27.995.011.390
	<b><u>134.067.555.671</u></b>	<b><u>108.806.175.857</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>595.767.661.240</u></b>	<b><u>517.572.102.377</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	484.441.181.611	379.623.523.527
Chi phí nhân công	293.523.480.289	252.416.448.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.545.064.130	75.445.549.723
Chi phí khấu hao và hao mòn	15.878.447.846	14.152.547.674
Chi phí khác	262.276.992.054	210.154.574.366
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.116.665.165.930</u></b>	<b><u>931.792.643.407</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>288.781.449.066</b>	<b>259.262.015.795</b>
<b><i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</i></b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không đủ hóa đơn chứng từ	2.062.000.000	2.328.500.000
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	642.805.875	2.473.112.684
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	3.718.393.000	2.993.418.335
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	126.083.311	124.541.480
Chi phí không được khấu trừ khác	1.331.395.990	56.268.080
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	<u>(15.962.000.200)</u>	<u>(11.466.064.557)</u>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b><u>280.700.127.042</u></b>	<b><u>255.771.791.817</u></b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>		
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.097.874.628	24.963.459.536
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước theo Biên bản thanh tra thuế	2.159.812.804	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(54.314.171.167)</u>	<u>(55.019.943.271)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b> <i>(Thuyết minh số 14)</i>	<b><u>25.083.541.673</u></b>	<b><u>21.097.874.628</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa	170.752.843.827	227.708.389.553
		Chi phí dịch vụ gia công	147.435.295.920	96.940.488.540
		Chi phí mua nguyên phụ liệu	2.793.459.265	-
		Bán hàng	19.136.250.940	22.974.562.440
		Cổ tức được chia	14.479.965.000	9.653.310.000
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng	32.763.777.941	27.706.951.521
		Cổ tức được chia	1.356.325.200	1.356.325.200
Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	32.169.935.000	29.210.576.542
		Bán hàng	16.312.652.892	15.878.847.223
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	Công ty con	Bán tài sản	228.381.831.032	-
		Chuyển các khoản phải thu thành vốn góp	128.877.679.220	-
		Góp vốn bằng tiền	95.563.676.658	-
		Mua hàng hóa	42.966.019.010	-
		Góp vốn bằng tài sản khác	25.558.644.122	-
		Bán hàng	24.471.527.752	-
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 12 năm 2017)	Bán hàng	1.032.099.810	10.067.953.659
		Cổ tức được chia	125.710.000	125.710.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i></b>					
Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	Công ty con	Bán hàng hóa	891.305.683	1.207.801.242	
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	Công ty con	Bán tài sản cố định	226.107.607.945	-	
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	3.600.862.515	
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	-	3.465.429.512	
			<b>226.998.913.628</b>	<b>8.274.093.269</b>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i></b>					
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	Công ty con	Tạm ứng cho dự án đầu tư Nhà máy dược Traphaco Hưng Yên	-	128.877.679.220	
			-	<b>128.877.679.220</b>	
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i></b>					
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Công ty con	Mua hàng hóa	51.674.633.487	45.898.735.941	
Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	Công ty con	Mua hàng hóa	15.796.033.680	-	
Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	5.586.439.975	6.685.340.471	
			<b>73.057.107.142</b>	<b>52.584.076.412</b>	

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		11.689.962.000	9.008.718.576
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.689.962.000</b>	<b>9.008.718.576</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh liên quan đến dược phẩm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**


**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.230.399.400	3.504.302.626
Từ 1 - 5 năm	9.338.867.665	10.145.459.600
Trên 5 năm	12.857.196.300	15.062.955.377
	<b>25.426.463.365</b>	<b>28.712.717.603</b>

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc Thúy

  
\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên

  
  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 8 tháng 3 năm 2018